

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIT VIỆT NAM
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIT VIET NAM GROUP CORPORATION
Tên công ty viết tắt: MIT GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109324651

3. Ngày thành lập: 27/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 166 Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432048686

Fax:

Email: mitvn.info@gmail.com

Website: vnmit.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác dầu thô	0610
3.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
4.	Khai thác quặng sắt	0710
5.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
8.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
9.	Khai thác muối	0893
10.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica	0899
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
12.	Khai thác và thu gom than non	0520
13.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; - Hoạt động khoan thử và đào thử; - Hoạt động dịch vụ theo kế ước hoặc hợp đồng, theo yêu cầu để phục vụ cho hoạt động khai thác được phân vào ngành 05, 07 và 08; - Hoạt động thăm dò khoáng sản;	0990
15.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
16.	Xây dựng nhà ở	4101

17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
22.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24.	Xây dựng công trình thủy	4291
25.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
26.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. - Tư vấn quản lý Dự án. - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. - Hoạt động đo đạc và bản đồ. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước: Hoạt động điều tra địa chất; Hoạt động điều tra thủy học; Hoạt động điều tra lớp dưới bề mặt. - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước	7110
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.	7490
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá)	6820
37.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); - Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
42.	Đại lý du lịch	7911
43.	Điều hành tua du lịch	7912
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
47.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa;	5229
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá) Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa;	4610
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
56.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320

6. Vốn điều lệ: 1.268.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 126.800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM SỸ QUỲ	Tổ 9, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.800.000	68.000.000.000	5,363	060483015	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.800.000	68.000.000.000	5,363		
2	VŨ THANH BÌNH	Số 20 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.900.000	99.000.000.000	7,808	013490780	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.900.000	99.000.000.000	7,808		

3	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGHI	Số 102 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.100.0 00	31.000.000.000	2,445	012408351	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.100.0 00	31.000.000.000	2,445		
4	LÊ MINH ANH	Tổ 37, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	76.600. 000	766.000.000.00 0	60,410	013073278	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	76.600. 000	766.000.000.00 0	60,410		
5	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	4 – Dãy B, Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.900.0 00	59.000.000.000	4,653	011785140	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.900.0 00	59.000.000.000	4,653		

6	VŨ THANH HIẾU	Số 43, Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500.000	245.000.000.000	19,322	001063000296
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	24.500.000	245.000.000.000	19,322	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THANH HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001063000296

Ngày cấp: 23/04/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 43, Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 43, Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội